

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

MỤC LỤC

Phát biểu của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	1
Quá trình phát triển	2
Giới thiệu tổng quan	3
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	4
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	6
Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2011	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	15
Tổ chức nhân sự	24
Thông tin cổ đông	25

PHÁT BIỂU
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông, Tôi xin gửi đến Quý Khách hàng, các cơ quan hữu quan, các cổ đông và cán bộ công nhân viên Công ty lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự hỗ trợ và hợp tác trong suốt thời gian qua.

Năm 2011 đã kết thúc với nhiều khó khăn và thách thức, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm sụt giảm trầm trọng do ảnh hưởng trực tiếp từ kinh tế vĩ mô và sự suy thoái toàn cầu.

Với những diễn biến tiêu cực kéo dài của thị trường chứng khoán, Hội đồng Quản trị đã nỗ lực hết mình, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của cổ đông giao, quản trị công ty hoạt động ổn định, cơ cấu lại tổ chức nhân sự, tổ chức mạng lưới, lãnh đạo công ty theo định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty. Dù đã cố gắng hết mức nhưng kết quả hoạt động của Công ty vẫn chưa đạt được kế hoạch theo dự kiến đầu năm 2011.

Năm 2012 dự báo tình hình thị trường sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro. Tình hình kinh tế Việt Nam vẫn phải đương đầu với nhiều thách thức. Trước bối cảnh đó HĐQT định hướng trọng tâm năm 2012 là quản trị ổn định hoạt động và phát triển công ty, nỗ lực phấn đấu trở thành công ty chứng khoán nằm trong top 20 công ty có thị phần cao trên thị trường.

Chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và tin tưởng của Quý khách hàng, các Cơ quan hữu quan, Quý cổ đông, Ban Tổng Giám Đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Chúng tôi hy vọng thị trường chứng khoán sẽ có những chuyển biến tốt hơn để đáp ứng kỳ vọng của Quý cổ đông.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

12/2006	Nhận giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005822 ngày 28/12/2006 do Sở KH&ĐT cấp
	Nhận giấy phép hoạt động kinh doanh số 49/2UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp
02/2007	Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký chứng khoán
05/2007	Trở thành Thành viên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM và Hà Nội
09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng và thành lập Đại lý nhận lệnh tại Hà Nội
12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng.
01/2008	Thành lập Chi nhánh Cần Thơ và Đại lý nhận lệnh TP. Biên Hòa
02/2008	Thành lập PGD Tân Bình và đưa vào hoạt động dịch vụ giao dịch trực tuyến
09/2009	Nâng cấp Phòng giao dịch Tân Bình thành Chi nhánh Tân Bình
01/2010	Thành lập Chi nhánh Đồng Biên tại TP. Biên Hòa
04/2010	Thành lập Chi nhánh Hà Nội
06/2010	Thành lập Phòng giao dịch Thành Công
07/2010	Niên yết cổ phiếu ORS tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
08/2010	Thành lập Chi nhánh Gia Định
10/2010	Đổi tên Phòng giao dịch Thành Công thành Phòng giao dịch Bến Thành
12/2010	Đổi tên Chi nhánh Đồng Biên thành Chi nhánh Đồng Nai
07/2011	Chuyển Chi nhánh Gia Định về Hội sở
10/2011	Chuyển Chi nhánh Cần Thơ về Hội sở

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính: ORS được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động trên các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán. Khách hàng của ORS rất đa dạng, bao gồm các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp hoạt động trên nhiều lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, tài chính - ngân hàng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN

Với định hướng lấy dịch vụ môi giới làm trọng tâm, trong đó các dịch vụ khác đóng vai trò hỗ trợ cho dịch vụ môi giới phát triển, ORS sẽ phấn đấu nằm trong top 20 công ty chứng khoán bán lẻ, có thị phần giá trị giao dịch lớn nhất Việt Nam.

SỨ MỆNH

Thực hiện các dịch vụ tài chính và chứng khoán, trực tiếp tham gia đầu tư chứng khoán một cách hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích cho các cổ đông, khách hàng, người lao động và phục vụ cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG:

ORS nỗ lực thực hiện tốt các mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận đã đề ra, nâng cao vị thế của ORS trên thị trường nhằm gia tăng giá trị cổ phiếu của các cổ đông, thực hiện các chính sách phân phối lợi nhuận một cách hợp lý dựa trên hiệu quả hoạt động kinh doanh.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG:

ORS cung cấp các dịch vụ tốt nhất dựa trên chất lượng phục vụ chuyên nghiệp, nền tảng công nghệ hiện đại với nhiều tính năng thích hợp, tư vấn đầu tư hiệu quả và đặc biệt là sự gia tăng lợi ích thông qua việc cung cấp cho khách hàng những sản phẩm mới.

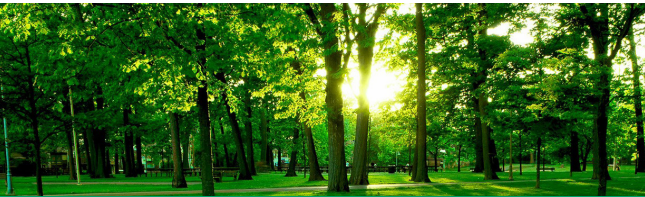
ĐỐI VỚI NHÂN SỰ:

ORS cam kết tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo những lợi ích chính đáng của tập thể cán bộ nhân viên, gắn lợi ích của Công ty gắn với lợi ích của tập thể cán bộ nhân viên, thực hiện những chính sách thích hợp để phát triển nguồn nhân lực.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Được xây dựng dựa trên định hướng lấy khách hàng là trọng tâm, ORS cung cấp các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp và có chất lượng dựa trên các nền tảng cơ bản sau:

- Đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, làm việc chuyên nghiệp, phục vụ tận tụy vì lợi ích của khách hàng.
- Sản phẩm và dịch vụ đa dạng, phù hợp với nhu cầu của thị trường và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Trình độ công nghệ tiên tiến với nhiều tiện ích và luôn được cải tiến nhằm mục đích hỗ trợ cho khách hàng trong quá trình đầu tư cũng như kiểm soát rủi ro trong quá trình kinh doanh.
- Tiềm lực về tài chính mạnh và khả năng thu xếp tài chính tốt nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của khách hàng.
- Việc liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động kinh doanh bao gồm Môi giới, Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, Phân tích và đầu tư nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Hệ thống kiểm soát tuân thủ được thực hiện bài bản và có hệ thống nhằm kiểm soát tốt nhất các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình kinh doanh.



ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM 2012

- Nỗ lực đưa ORS sẽ là công ty chứng khoán thuộc nhóm 1 theo các tiêu chuẩn của bộ tài chính.
- Tăng cường công tác QLRR, xây dựng quy trình QLRR chặt chẽ cho các hoạt động.
- Tập trung xử lý những tồn tại, cơ cấu lại tài chính, tăng cường khả năng cạnh tranh trong hoạt động của công ty.
- Tái cơ cấu, xử lý các tồn tại của năm 2011, cơ cấu sử dụng nguồn vốn, tài chính của công ty hiệu quả.
- Phát triển môi giới, tăng cường nguồn lực để kinh doanh
- Tiếp tục củng cố cơ cấu tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực sẵn sàng phát triển khi thị trường thuận lợi.

MỤC TIÊU CHÍNH

Đến cuối năm 2015, lợi nhuận thu được đủ bù đắp lỗ lũy kế của ORS, từ năm 2016 trở đi, lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt 15% vốn chủ sở hữu.

Là một trong 20 công ty chứng khoán có thị phần môi giới bán lẻ lớn nhất tại Việt Nam.

Là công ty có chất lượng tư vấn đầu tư tốt nhất tại Việt Nam.

Là công ty có sản phẩm phân tích có chất lượng cao và có uy tín trên thị trường.

Là công ty chứng khoán luôn đi tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm mới.

BÁO CÁO CỦA HĐQT

KẾT QUẢ HĐKD NĂM 2011

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ CỦA HĐQT

Tại thời điểm hiện tại, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 – 2015 là 05 thành viên bao gồm:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Hải Yến	Chủ tịch
2	Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên thường trực
3	Ông Võ Quang Long	Thành viên thường trực
4	Ông Tế Trí Dũng	Thành viên
5	Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT		CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Trần Thị Kim Ánh	Thánh viên Ban kiểm soát



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2011, xuất phát từ những khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu, kinh tế vĩ mô trong nước và đặc biệt là chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát của Chính phủ đã có ảnh hưởng rất lớn tới thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động của ORS nói riêng. Tính đến 15/12/2011, chỉ số HNX-Index rơi xuống mức thấp nhất trong lịch sử với 58,04 điểm, giảm 50% so với hồi đầu năm. Vốn huy động qua phát hành thêm cổ phiếu, đầu giá cổ phần hóa đạt 17,5 nghìn tỷ đồng, tương đương 22% so với năm 2010. 65 công ty chứng khoán thua lỗ và 71 công ty chứng khoán có lỗ lũy kế. Giá trị vốn hóa thị trường chỉ còn hơn 20% GDP. Thanh khoản sụt giảm trên cả hai sàn. Rất nhiều phiên tổng giá trị giao dịch trên cả hai sàn không đạt được 500 tỷ đồng. TTCK gần như tê liệt chức năng huy động vốn, các nhà đầu tư thứ cấp chán nản muốn rời bỏ thị trường.

Đứng trước tình hình đó, Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ I và nhiệm kỳ II) cũng đã rất nỗ lực trong việc bàn bạc, tìm ra các giải pháp thông qua ban hành các quyết định, quy định nhằm triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ORS cũng như nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, xuất phát do diễn biến thị trường xấu hơn rất nhiều so với những dự kiến, dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh của ORS trong năm 2011 không đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận, cụ thể doanh thu 129,38 tỷ đồng, đạt 199,05% % kế hoạch, lỗ lũy kế tính đến 31/12/2011 của ORS là (93,76)tỷ đồng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2011

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tình hình thực hiện kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	65.000	129.380	199,05%
2	Lợi nhuận sau thuế	12.800	(32.653)	N/A

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG NĂM

Xuất phát từ những khó khăn chung của thị trường chứng khoán, trong năm 2011, ORS đã thực hiện chủ trương tiết kiệm chi phí trong tất cả các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn rà soát, đánh giá và tái cơ cấu lại hoạt động nhằm tiết giảm chi phí, cụ thể, Công ty đã đóng cửa một số chi nhánh hoạt động không hiệu quả như: Chi nhánh Gia Định, Chi nhánh Cần Thơ và tái cơ cấu lại công tác tổ chức trong hoạt động môi giới theo hướng tập trung về Hội sở nhằm tiết giảm chi phí hoạt động. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, rà soát và đánh giá lại tình hình rủi ro đối với hoạt động cho vay chứng khoán, hoạt động REPO còn tồn đọng, đưa ra các biện pháp nhằm đôn đốc, thu hồi công nợ cho Công ty. Ngoài ra, để phục vụ cho chiến lược phát triển chung của ORS trong thời gian sắp tới, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Công ty, phát triển core giao dịch và các công cụ hỗ trợ nhà đầu tư, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới. Trong năm 2011, Công ty Chứng khoán Phương Đông, với nòng cốt là Khối công nghệ và phát triển sản phẩm đã đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu đầu tư của khách hàng môi giới. Hệ thống thông tin phân tích chứng khoán cho phép nhà đầu tư theo dõi thông tin thị trường và biến động cổ phiếu, tích hợp hệ thống các công cụ đầu tư cổ phiếu thông minh, giúp nhà đầu tư lựa chọn nhanh chóng và chính xác mã cổ phiếu và thời điểm đầu tư thích hợp.

Cũng trong năm này, ORS cũng đã cho ra mắt bảng điện thông minh với các tính năng nổi bật như tích hợp các mã cổ phiếu của cả 3 sàn HSX, HNX và UpCoM trong cùng một khung giao diện, biểu đồ giá các chỉ số thị trường theo thời gian thực, dự báo VN-Index trong phiên ATO, ATC với tính chính xác cao, hay phân rã giá khớp từng cổ phiếu theo thời gian khớp và các mức giá khớp.

Hệ thống giao dịch trực tuyến ORS-Trade cũng nhận được nhiều khách lệ từ nhà đầu tư nhờ tính linh hoạt trong việc quản trị danh mục đầu tư, đặt lệnh trực tuyến và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư đều được tích hợp vào một hệ thống.

Ngoài những báo cáo phân tích truyền thống được cung cấp hàng ngày và định kỳ, những tháng cuối năm 2011, ORS đã cho ra mắt “Chuyên san Phương Đông”, một kênh thông tin đa chiều về các hoạt động nổi bật tại ORS, cũng như là các báo cáo phân tích, nhận định thị trường và khuyến nghị đầu tư, cũng như những sản phẩm mới có hiệu quả cao được chọn lọc để giới thiệu đến khách hàng.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán hết sức khó khăn, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty đã và đang có những chuyển biến khá tích cực. Trong năm ORS đã ký kết mới và thực hiện thành công chi nhiều doanh nghiệp như: Công ty Cổ phần thực phẩm Kiên Giang (KIVECO), Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng 3/2, ECI Sài gòn, Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTSC), Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (HTC),...

Với mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động của ORS trong thời gian sắp tới, Hội đồng quản trị Công ty đang thực hiện công tác đánh giá lại toàn bộ hoạt động của ORS, xây dựng lại chiến lược kinh doanh và chỉ đạo Ban Điều hành đưa ra các giải pháp để triển khai thực hiện trong thời gian sắp tới. Điều này dự kiến sẽ phát huy tác dụng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo.

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Theo đánh giá của các chuyên gia, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được coi là khá tiềm năng, tổng giá trị vốn hóa thị trường mới chiếm khoảng 20% GDP (khá nhỏ so với thị trường chứng khoán của các nước phát triển). Với chủ trương vực dậy thị trường chứng khoán trong thời gian sắp tới của Chính phủ thông qua tái cấu trúc thị trường chứng khoán tương lai sẽ mở ra nhiều cơ hội mới đối với các công ty chứng khoán nói chung và ORS nói riêng.

Tuy thị trường chứng khoán dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn như: việc áp dụng chính sách tiền tệ chặt chẽ nhằm kiềm chế lạm phát của Chính phủ tiếp tục được thực

hiện sẽ tiếp tục làm hạn chế dòng tiền đổ vào chứng khoán trong thời gian tới; một số quỹ đầu tư dạng đóng sẽ hết hiệu lực hoạt động vào năm 2012, các quỹ này có thể tiếp tục hoạt động theo hướng gia hạn thời gian hoạt động, chuyển sang quỹ mở hay rút khỏi thị trường vẫn là một vấn đề chưa được giải đáp.

Ảnh hưởng từ các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, như là một tình hình chung của thị trường chứng khoán, ORS đứng trước những cơ hội và thách thức phía trước.

Với những điểm mạnh và những điểm yếu từ tình hình nội tại của Công ty, kết hợp với những yếu tố thuận lợi và những thách thức đến từ môi trường vĩ mô, trong năm 2012, ORS dự kiến sẽ tập trung vào việc tái cơ cấu tổ chức toàn bộ hoạt động của Công ty theo hướng rà soát, đánh giá và phát triển những phòng ban, những bộ phận có tiềm năng, hoạt động hiệu quả, thu hẹp và tiến tới cắt giảm những hoạt động không mang lại hiệu quả cho Công ty. Phân tích, đánh giá và phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót phát sinh,...

Trong năm 2012 và những năm sắp tới, ORS tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển theo hướng là một công ty chứng khoán bán lẻ, lấy hoạt động môi giới làm nòng cốt, các hoạt động khác của Công ty như: tư vấn đầu tư, phân tích, tự doanh chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp sẽ đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho hoạt động môi giới của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KHẢ NĂNG SINH LỜI, KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2010
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	6.77%	19.02%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	93.23%	80.98%
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	85.63%	52.97%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	14.37%	47.03%
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.95	0.13
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.17	1.89
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	-3.51%	6.44%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-25.24%	34.91%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-15.29%	13.12%

GIÁ TRỊ SỔ SÁCH MỖI CỔ PHIẾU

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011 của CTCP Chứng Khoán Phương Đông là: 8,220 đồng/cổ phiếu.

NHỮNG THAY ĐỔI VỀ VỐN GÓP

Danh mục	Đơn vị tính	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu thường		24,000,000	24,000,000
Số lượng cổ phiếu lưu hành	cổ phiếu	24,000,000	24,000,000
Cổ phiếu quỹ	cổ phiếu	0	0
Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	0	0
Trái phiếu	trái phiếu	0	0

CHI TRẢ CỔ TỨC TRONG NĂM

Trong năm tài chính 2011, ORS không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

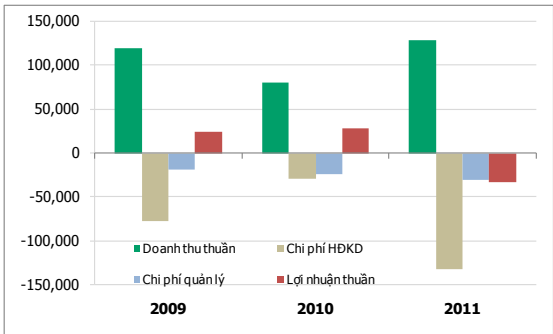
STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG CP	TÌNH TRẠNG
I	Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần, vốn góp	-	Không có
II	Công ty nắm trên 50% vốn cổ phần của Công ty	-	Không có
III	Các công ty có liên quan		
	Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	2.057.651	Chủ tịch HĐQT của ORS hiện là P.TGD Ngân hàng TMCP Phương Đông - Người đại diện vốn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ KINH DOANH CHUNG

Năm 2011, TTCK suy giảm sâu và kéo dài ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và ORS nói riêng. Kết thúc năm tài chính 2011, doanh thu thuần của ORS đạt 129.4 tỷ, tăng 99% so với kế hoạch đề ra; tuy nhiên kết quả kinh doanh cả năm lỗ 32.7 tỷ đồng.

Trong năm vừa qua, ORS đã đẩy mạnh tái cơ cấu danh mục đầu tư khiến chi phí của hoạt động đầu tư tăng cao. Tuy nhiên, hoạt động này cũng giúp cải thiện chất lượng tài sản của công ty cũng như tạo tiền đề tích cực cho hoạt động đầu tư trong năm 2012. Ngoài ra, chi phí hoạt động của công ty cũng gia tăng khiến các khoản thu đã không đủ để bù đắp hết chi phí.



CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ VÀ NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI:

TTCK suy giảm kéo theo thanh khoản của toàn thị trường sụt giảm nghiêm trọng, hoạt động môi giới của ORS vì thế đã không đạt được kết quả như kỳ vọng. Trong năm 2011, ORS đã thu hẹp mạng lưới hoạt động, đồng thời củng cố và tăng cường chất lượng dịch vụ môi giới (cải tiến chất lượng nhân sự và hệ thống giao dịch) nhằm duy trì thị phần môi giới và tạo tiền đề cho năm 2012 có những bước tiến vững chắc hơn.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH:

Năm 2011, hoạt động tự doanh của ORS bị ảnh hưởng nghiêm trọng do ảnh hưởng tiêu cực của thị trường. Mặc hoạt động này lỗ do chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản lỗ phát sinh do hoạt động tái cơ cấu danh mục đầu tư.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN:

Cũng như đa số các công ty chứng khoán có cùng quy mô trên thị trường, năm 2011 là một năm khó khăn đối với hoạt động tư vấn của ORS. Điều kiện thị trường không ủng hộ các doanh nghiệp niêm yết huy động vốn trên thị trường cổ phiếu, ngoài ra, sự cạnh tranh ngày một khốc liệt hơn giữa các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn. Mặc dù vậy, ORS cũng đã thực hiện tư vấn thành công nhiều hợp đồng tư vấn với giá trị cao trong năm.

HOẠT ĐỘNG KHÁC:

Thị trường chứng khoán trong nước năm qua chứng kiến sự suy giảm trầm trọng cả về thanh khoản lẫn điểm số, trước tình hình đó, ORS đã linh động điều chỉnh mô hình kinh doanh theo hướng giảm dần quy mô tập trung nguồn lực phát triển theo chiều sâu. Xác định yếu tố con người cực kỳ quan trọng trong quá trình phát triển kinh doanh của tổ chức, năm 2011,

	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% TH/KH
Doanh thu	65,000	129,380	199.05%
Lợi nhuận sau thuế	12,800	(32,653)	n/a

ĐVT: triệu đồng

	2009	2010	2011
Doanh thu thuần	120,421	81,130	129,375
Chi phí HKKD	77,605	-29,093	-132,071
Chi phí quản lý	17,686	-23,612	-30,060
Lợi nhuận thuần	25,301	28,319	-32,653

ĐVT: triệu đồng

Ban đào tạo ORS đã được thành lập. Xác định tầm quan trọng của mục tiêu, Ban đào tạo đã thực hiện thành công các buổi đào tạo nội bộ từ ban giảng huấn nội bộ và hợp tác với các giảng viên có uy tín và kinh nghiệm để nâng cao nghiệp vụ và chất lượng tư vấn của đội ngũ chuyên viên môi giới.

Năm 2011 cũng là năm bản lề của Khối Công nghệ và phát triển sản phẩm khi cho ra đời các công cụ đầu tư trực tuyến đã được kiểm định hiệu quả và giá trị. Đây là những chuyển biến tích cực mang tính dài hạn trong việc định hình lợi thế cạnh tranh dựa trên sức mạnh công nghệ và chất lượng tư vấn đầu tư.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Trong lộ trình phác thảo ORS giai đoạn 5 năm tiếp theo, vai trò của Môi giới được đặt làm trọng tâm, các hoạt động khác có vai trò hỗ trợ tối đa Môi giới. Cụ thể, trong năm 2012, ORS sẽ thực hiện giai đoạn tái cấu trúc và đồng thời phát triển nguồn nhân lực để xây dựng nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển dài hạn trong những năm tiếp theo.

Trong năm 2012, Khối CN&PTSP tiếp tục tận dụng lợi thế về công nghệ và kinh nghiệm phát triển sản phẩm để xây dựng và triển khai các công cụ tư vấn đầu tư trực tuyến cho khách hàng ORS theo hướng thân thiện, kịp thời và chính xác, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đầu tư của khách hàng.

Cùng với quá trình chuyển đổi và tái cấu trúc của nền kinh tế, hoạt động tái cấu trúc vốn, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A) được nhận định là những mảng hoạt động tiềm năng trong tương lai. Do vậy, các hoạt động này được ORS rất chú trọng trong năm 2012.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN 2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (Tên giao dịch: **Orient Securities Corporation**) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định điều chỉnh như sau:
-Quyết định số 72/UBCK-GPĐCCTCK ngày 06/09/2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000VND lên 120.000.000.000 VND;
-Quyết định số 100/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000VND lên 240.000.000.000 VND.

Vào ngày 02/07/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD và chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ORS. Ngày 12/07/2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Vốn điều lệ : 240.000.000.000 VND
- Trụ sở hoạt động
 - Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84 - 08) 39144290
 - Fax : (84 - 08) 39142295
 - Mã số thuế : 0 3 0 4 8 1 4 3 3 9
- Hoạt động chính của Công ty: Môi giới chứng khoán (CK); Tự doanh CK; Tư vấn tài chính và đầu tư CK; Lưu ký CK.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 23).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đã thay đổi Tổng Giám đốc theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị ban hành ngày 05/01/2012, theo đó: ông Lâm Đạo Thảo sẽ đảm nhận chức vụ Quyền Tổng Giám đốc thay thế cho bà Vũ Hồng Hạnh, Nguyên Tổng Giám đốc đã hết nhiệm kỳ.

Ngoài sự kiện nêu trên ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm:

BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Bà Trần Thị Hải Yến	Chủ tịch	18/05/2011	
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên	18/05/2011	
Ông Tế Trí Dũng	Thành viên	18/05/2011	
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên	18/05/2011	
Bà Triệu Thị Hương Giang	Thành viên	18/05/2011	30/11/2011
Ông Võ Quang Long	Thành viên	18/05/2011	
Bà Huỳnh Thị Huyền Như	Thành viên	18/05/2011	30/11/2011
BAN KIỂM SOÁT			
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Trưởng ban	18/05/2011	
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	18/05/2011	
Bà Trần Thị Kim Ánh	Thành viên	18/05/2011	
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
Bà Vũ Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc	17/12/2007	05/01/2012
Ông Nguyễn Ngọc Tươi	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2009	22/09/2011
Ông Võ Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	17/11/2009	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu;
- Lập Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ					
	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,279,842,901,775	395,928,024,680
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,115,907,015,971	33,368,980,108
	Tiền	111	VI.1	1,115,907,015,971	33,368,980,108
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.3	5,467,843,395	43,978,036,667
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		14,410,246,932	54,438,553,379
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8,942,403,537)	(10,460,516,712)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.4	157,974,160,315	317,675,600,929
1.	Phải thu khách hàng	131		6,144,063,800	5,890,135,121
2.	Trả trước cho người bán	132		172,606,363	302,892,510
3.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		16,044,883	6,435,750,577
4.	Các khoản phải thu khác	135		162,016,777,871	305,046,822,721
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10,375,332,602)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		493,882,094	905,406,976
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	337,331,374	757,537,321
2.	Tài sản ngắn hạn khác	158		156,550,720	147,869,655
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92,941,289,657	92,987,204,262
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3,975,250,263	5,877,006,811
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	1,390,047,456	2,440,577,593
	Nguyên giá	222		8,202,458,018	8,311,570,131
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,812,410,562)	(5,870,992,538)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	2,585,202,807	3,436,429,218
	Nguyên giá	228		4,556,209,064	4,556,209,064
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,971,006,257)	(1,119,779,846)
III.	Bất động sản đầu tư	240	232	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.3	85,407,610,000	84,690,844,473
1.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		112,554,502,773	98,208,951,573
	Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		112,554,502,773	98,208,951,573
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(27,146,892,773)	(13,518,107,100)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		3,558,429,394	2,419,352,978
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	803,072,700	971,525,094
2.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.9	2,430,414,294	1,211,027,884
3.	Tài sản dài hạn khác	268	VI.10	324,942,400	236,800,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,372,784,191,432	488,915,228,942

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,175,501,152,201	258,978,964,414
I.	Nợ ngắn hạn	310		1,175,412,534,183	258,883,346,396
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.11	18,208,294,194	73,933,000,000
2.	Phải trả người bán	312		15,000,000	-
3.	Người mua trả tiền trước	313		326,375,000	205,000,000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.12	93,763,621	918,045,430
5.	Phải trả người lao động	315		371,370,751	1,188,852,545
6.	Chi phí phải trả	316	VI.13	318,139,737	448,428,135
7.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.14	1,060,000,000,000	726,942,000
8.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		20,677,281	42,711,600
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234,118	7,234,118
10.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	VI.15	96,058,679,481	181,413,132,568
II.	Nợ dài hạn	330		88,618,018	95,618,018
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		88,618,018	95,618,018
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197,283,039,231	229,936,264,528
I.	Vốn chủ sở hữu	410	VI.16	197,283,039,231	229,936,264,528
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240,000,000,000	240,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		50,000,000,000	50,000,000,000
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1,047,890,198	1,047,890,198
4.	Lỗi lũy kế	420		(93,764,850,967)	(61,111,625,670)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,372,784,191,432	488,915,228,942

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán lưu ký	901,820,050,000	845,700,010,000
Trong đó:		
Chứng khoán giao dịch	617,314,110,000	627,386,150,000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	12,382,250,000	16,023,770,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	603,858,180,000	609,708,660,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1,073,680,000	1,653,720,000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	284,505,940,000	218,313,860,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	3,725,520,000	2,000,000,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	280,780,420,000	216,313,860,000


Thị trấn Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 1 năm 2012
VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ QUY
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu với năm 2010)

Đơn vị tính: VNĐ					
		Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu	01		129,380,352,411	81,329,171,781
	Trong đó:				
	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6,000,841,322	19,772,052,370
	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7,132,983,580	7,526,702,098
	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		603,664,209	549,775,404
	- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		771,513,416	970,131,272
	- Doanh thu khác	01.9		114,871,349,884	52,510,510,637
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4,568,561	199,221,290
3.	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	VII.1	129,375,783,850	81,129,950,491
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VII.2	132,071,088,589	29,093,093,338
5.	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(2,695,304,739)	52,036,857,153
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.3	30,060,297,731	23,612,344,009
7.	Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(32,755,602,470)	28,424,513,144
8.	Thu nhập khác	31	VII.4	123,389,282	137,545,178
9.	Chi phí khác	32	VII.5	21,012,109	242,958,199
10.	Lợi nhuận (lỗ) khác	40		102,377,173	(105,413,021)
11.	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		(32,653,225,297)	28,319,100,123
12.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.6	-	-
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14.	Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(32,653,225,297)	28,319,100,123
15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1,361)	1,180

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 1 năm 2012



VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ QUY
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
	Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		(32,653,225,297)	28,319,100,123
	Điều chỉnh cho các khoản:				
	- Khấu hao tài sản cố định	02		1,958,389,477	2,499,966,160
	- Các khoản dự phòng	03		22,486,005,100	(9,594,799,619)
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(51,202,800)	-
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(39,292,317,342)	(10,925,548,260)
	- Chi phí lãi vay	06		96,094,438,800	20,953,334,309
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48,542,087,938	31,252,052,713
	- Giảm /(tăng) các khoản phải thu	09		147,924,300,937	(122,359,551,614)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
	- Tăng các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả)	11		1,004,822,234,694	57,037,244,213
	- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		588,658,341	(68,412,555)
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(85,515,559,276)	(20,470,743,809)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1,088,324,659)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7,334,684,116,239	20,798,564,277,132
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7,377,701,536,864)	(20,829,538,836,988)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,073,344,302,009	(86,672,295,567)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(72,900,909)	(4,539,512,005)
	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			26,090,436	-
	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(33,841,609,780)	(123,752,524,273)
	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		59,524,365,027	106,087,013,903
	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	27		-	-
	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24		-	-
	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39,282,494,886	10,925,548,260
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		64,918,439,660	(11,279,474,115)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		189,849,281,995	929,479,400,000
	- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(245,573,987,801)	(885,046,400,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(55,724,705,806)	44,433,000,000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,082,538,035,863	(53,518,769,682)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33,368,980,108	86,887,749,790
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	1,115,907,015,971	33,368,980,108

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 1 năm 2012



VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ QUY
Kế toán trưởng



Số 02 Huỳnh Khương Ninh, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39105401 - Fax: (08) 39105402
Email: vietland@vietlandaudit.com.vn

Số: 0137/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 01 năm 2012, từ trang 7 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi vẫn chưa nhận được xác nhận liên quan đến các khoản phải thu khác với số tiền là 59.795.611.309 VND (xem Thuyết minh số VI.4).

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên (nếu có) đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính này rằng: Trong số tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 1.060.000.000.000 VND, số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đang tạm ngưng giao dịch (xem Thuyết minh số VI.1), số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán chưa thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (xem Thuyết minh số VI.14). Công ty chưa dự thu lãi và dự chi lãi liên quan đến số tiền này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, kết quả của sự kiện trên có thể sẽ thay đổi tình hình tài chính của Công ty.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu Vietland

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** CÔNG TY CỔ PHẦN
- Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:** Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 5 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp” và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong vòng 1 năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ hữu hình	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
TSCĐ khác	3

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,.. vào sử dụng. Các phần mềm được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

7. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn gồm các khoản khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ từ 2 đến 5 năm.

9. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo từng lần nhập, xuất để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

		Số cuối năm	Số đầu năm
(a)	Tiền mặt	1.814.225	11.057.367
	Tiền mặt	1.814.225	11.057.367
(b)	Tiền gửi ngân hàng	1.115.905.201.746	33.357.922.741
	Tiền gửi của Công ty (*)	1.107.275.813.830	10.319.166.166
	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	8.629.387.916	23.038.756.575
	Cộng	1.115.907.015.971	33.368.980.108

(*) Trong số tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 1.060.000.000.000 VND, số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đang tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số VI.14). Công ty chưa dự thu lãi cho khoản tiền gửi này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng	Giá trị
Của công ty chứng khoán	3.276.260	54.805.966.000
Cổ phiếu	3.276.260	54.805.966.000
Của nhà đầu tư	237.253.122	3.086.311.105.600
Cổ phiếu	237.253.122	3.086.311.105.600
Cộng	240.529.382	3.141.117.071.600

3. Các khoản đầu tư tài chính

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	501.537	1.475.666	14.410.246.932	53.738.553.379	(8.942.403.537)	(10.460.516.712)	5.467.843.395	43.278.036.667
Trái phiếu	-	700	-	700.000.000	-	-	-	700.000.000
Chứng khoán đầu tư	4.635.739	4.013.187	112.554.502.773	98.208.951.573	(27.146.892.773)	(13.518.107.100)	85.407.610.000	84.690.844.473
Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.635.739	4.013.187	112.554.502.773	98.208.951.573	(27.146.892.773)	(13.518.107.100)	85.407.610.000	84.690.844.473
Cộng	5.137.276	5.489.553	126.964.749.705	152.647.504.952	(36.089.296.310)	(23.978.623.812)	90.875.453.395	128.668.881.140

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
		Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1	Phải thu khách hàng	5.890.135.121	-	-	36.135.339.682	35.881.411.003	6.144.063.800	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	302.892.510	-	-	10.044.341.545	10.185.627.692	161.606.363	-	-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6.435.750.577	-	-	57.766.581.097	64.186.286.791	16.044.883	-	-	-
	Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	6.435.750.577	-	-	57.766.581.097	64.186.286.791	16.044.883	-	-	-
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	719.264.588	719.264.588	-	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác (*)	305.046.822.721	-	-	5.435.992.901.979	5.579.022.946.829	162.016.777.871	34.584.442.006	-	10.375.332.602
	Cộng	317.675.600.929	-	-	5.540.658.428.891	5.689.995.536.903	168.338.492.917	34.584.442.006	-	10.375.332.602

(*) Trong tổng công nợ phải thu khác cuối năm, các công nợ chưa nhận được thư xác nhận là 59.795.611.309 VND, bao gồm khoản phải thu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư vốn với số tiền là 450.000.000 VND; và phải thu Ngân hàng TMCP Tiên Phong liên quan đến khoản nợ gốc và lãi của các giao dịch bảo lãnh thanh toán các nghiệp vụ mua bán trái phiếu với số tiền là 59.345.611.309 VND, đây là khoản tiền mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong chưa thực hiện theo Chứng thư bảo lãnh thanh toán số 02/XNPT/ORS-TPB ngày 25 tháng 5 năm 2011.

Các khoản nợ quá hạn được đánh giá liên quan đến các khoản phải thu các nhà đầu tư thực hiện các nghiệp vụ mua bán lại chứng khoán có kỳ hạn trên cơ sở giá trị tài sản đảm bảo giảm so với số dư nợ phải thu tại thời điểm cuối năm.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	157.172.175	14.655.000	162.057.179	9.769.996
Chi phí khác	600.365.146	1.863.564.891	2.136.368.659	327.561.378
Cộng	757.537.321	1.878.219.891	2.298.425.838	337.331.374

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá:					
1. Số đầu năm	93.520.000	7.030.114.495	1.158.247.636	29.688.000	8.311.570.131
2. Tăng trong năm	-	72.900.909	-	-	72.900.909
3. Giảm trong năm	27.260.000	154.753.022	-	-	182.013.022
4. Số cuối năm	66.260.000	6.948.262.382	1.158.247.636	29.688.000	8.202.458.018

II. Giá trị hao mòn lũy kế:					
1. Số đầu năm	90.650.556	5.300.614.062	450.039.920	29.688.000	5.870.992.538
2. Tăng trong năm	2.869.444	959.512.663	144.780.959	-	1.107.163.066
3. Giảm trong năm	27.260.000	138.485.042	-	-	165.745.042
4. Số cuối năm	66.260.000	6.121.641.683	594.820.879	29.688.000	6.812.410.562
III. Giá trị còn lại:					
1. Số đầu năm	2.869.444	1.729.500.433	708.207.716	-	2.440.577.593
2. Số cuối năm	-	826.620.699	563.426.757	-	1.390.047.456
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
1. Số đầu năm	50.000.000	2.780.855.272	-	29.688.000	2.860.543.272
2. Số cuối năm	66.260.000	3.981.267.924	-	29.688.000	4.077.215.924

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	
I. Nguyên giá	
1. Số đầu năm	4.556.209.064
2. Tăng trong năm	-
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	4.556.209.064
II. Giá trị hao mòn lũy kế	
1. Số đầu năm	1.119.779.846
2. Tăng trong năm	851.226.411
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	1.971.006.257
III. Giá trị còn lại	
1. Số đầu năm	3.436.429.218
2. Số cuối năm	2.585.202.807
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	
1. Số đầu năm	30.000.000
2. Số cuối năm	538.722.050

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	646.068.521	77.628.387	396.659.248	327.037.660
Chi phí khác	325.456.573	423.007.500	272.429.033	476.035.040
Cộng	971.525.094	500.635.887	669.088.281	803.072.700

9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.240.777.202	1.029.351.099
Tiền lãi phân bổ trong năm	69.637.092	61.676.785
Cộng	2.430.414.294	1.211.027.884

10. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ thuê văn phòng, thuê nhà	324.942.400	236.800.000
Cộng	324.942.400	236.800.000

11. **Vay và nợ ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Lãi suất	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các công ty	12,2% - 21%	43.800.000.000	85.900.000.000	129.700.000.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	19% - 24%	-	37.150.000.000	20.650.000.000	16.500.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	14,5% - 20%	30.133.000.000	66.799.281.995	95.223.987.801	1.708.294.194
Cộng		73.933.000.000	189.849.281.995	245.573.987.801	18.208.294.194

12. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng nội địa	407.962.132	237.392.641	641.515.097	3.839.676
2	Các loại thuế khác	510.083.298	2.639.800.226	3.059.959.579	89.923.945
	- Thuế môn bài	-	8.500.000	8.500.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	510.083.298	2.631.300.226	3.051.459.579	89.923.945
	Cộng	918.045.430	2.877.192.867	3.701.474.676	93.763.621

- Thuế giá trị gia tăng
 - Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
 - Thuế suất áp dụng:
 - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
 - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%
- Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

13. **Chi phí phải trả**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí kiểm toán	55.000.000	45.454.545
Chi phí thuê nhà	124.135.272	6.363.636
Chi phí hoa hồng, môi giới	15.163.356	63.143.154
Các chi phí khác	123.841.109	333.466.800
Cộng	318.139.737	448.428.135

14. **Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	725.502.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác (*)	1.060.000.000.000	1.440.000
Cộng	1.060.000.000.000	726.942.000

(*) Khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiến thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công thương và đang tạm ngừng giao dịch (xem Thuyết minh số VI.1). Công ty chưa dự chi lãi cho khoản phải trả này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

15. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Kinh phí công đoàn	-	17.528.140
Bảo hiểm xã hội	-	70.485.500
Bảo hiểm y tế	4.193.950	17.077.800
Bảo hiểm thất nghiệp	174.801	7.868.000
Các khoản phải trả khác	83.061.686.814	125.160.328.587
Phải trả lãi vay vốn	11.409.803.357	844.923.833
Phải trả lãi tiền gửi nhà đầu tư	14.000.000	-
Phải trả vốn cho các công ty	70.000.000.000	118.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.637.883.457	6.315.404.754
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư	12.992.623.916	56.139.844.541
Cộng	96.058.679.481	181.413.132.568

16. **Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Cộng
Số đầu năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(61.111.625.670)	229.936.264.528
Lỗ trong năm	-	-	-	(32.653.225.297)	(32.653.225.297)
Số cuối năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(93.764.850.967)	197.283.039.231

Cổ phiếu:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

VII. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. **Doanh thu**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.000.841.322	19.772.052.370
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	7.132.983.580	7.526.702.098
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	603.664.209	549.775.404
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	771.513.416	970.131.272
Doanh thu khác	114.871.349.884	52.510.510.637
Cộng	129.380.352.411	81.329.171.781
Khoản giảm trừ doanh thu	(4.568.561)	(199.221.290)
Doanh thu thuần	129.375.783.850	81.129.950.491

2. **Chi phí hoạt động kinh doanh**

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	7.471.722.515	9.611.540.161
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	15.216.796.689	7.414.098.344
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	299.711.385	157.309.067
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	721.151.314	551.611.076
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	12.110.672.498	(9.594.799.619)
Chi phí khác	96.251.034.188	20.953.334.309
Cộng	132.071.088.589	29.093.093.338

3. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý	7.226.816.560	10.737.512.872
Chi phí vật liệu quản lý	125.811.943	327.127.276
Chi phí đồ dùng văn phòng	861.114.262	1.153.705.795
Chi phí khấu hao	1.960.681.090	2.499.966.160
Thuế, phí và lệ phí	8.500.000	6.952.000
Chi phí dự phòng	10.375.332.602	51.838.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.314.960.776	6.858.768.004
Chi phí bằng tiền khác	2.187.080.498	1.976.473.282
Cộng	30.060.297.731	23.612.344.009

4. Thu nhập khác

Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	26.090.436	-
Thu từ nhượng bán, thanh lý công cụ, dụng cụ	11.984.400	7.673.554
Thu nhập khác	85.314.446	129.871.624
Cộng	123.389.282	137.545.178

5. Chi phí khác

GTCL của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	16.267.980	-
GTCL của công cụ, dụng cụ nhượng bán, thanh lý	-	7.034.085
Các khoản truy thu, phạt	4.744.129	235.924.114
Cộng	21.012.109	242.958.199

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(32.653.225.297)	28.319.100.123
Cộng: Chi phí không tính thuế	1.382.203.732	719.363.704
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Trừ: Chuyển lỗ	-	(90.403.424.492)
Lỗ tính thuế	(31.271.021.565)	(61.364.960.665)
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% lợi nhuận thu được.
Năm 2011, Công ty kinh doanh thua lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	8.629.387.916	23.038.756.575

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.016.801.382	1.722.053.455
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	224.942.400	2.544.460.800
Sau 5 năm	-	2.561.837.000
Cộng	1.241.743.782	6.828.351.255

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện tiền thuê văn phòng làm việc cho Công ty và các phòng giao dịch. Các hợp đồng thuê được thỏa thuận cho khoảng thời gian từ 01 đến 5 năm, tiền thuê được thỏa thuận trong hợp đồng trong suốt thời gian thuê.

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Công ty có giao dịch trong năm và số dư tại thời điểm cuối kỳ kế toán với các thành viên chủ chốt của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Phải thu hỗ trợ dịch vụ margin	-	51.276.340	51.276.340	-
Vay ngắn hạn	6.000.000.000	11.600.000.000	17.600.000.000	-
Phải trả lãi vay ngắn hạn	103.750.000	951.652.777	1.055.402.777	-
Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư	20.110.128	12.864.721.415	12.878.044.124	-

3. Thu nhập của các nhân viên chủ chốt của Công ty

Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng	1.596.135.814	1.395.485.200

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	93,23	80,98
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	6,77	19,02
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	85,63	52,97
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	14,37	47,03
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,17	1,89
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,53
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,95	0,13
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu thuần	%	(25,24)	34,91
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	(25,24)	34,91
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	(3,51)	6,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	(3,51)	6,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân	%	(15,29)	13,12



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

CƠ CẤU TỔ CHỨC



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Đến ngày 31/12/2011 tổng số lao động của ORS là 78 người, với cơ cấu nhân sự như sau:

CƠ CẤU NHÂN SỰ	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG
Tổng số nhân viên	78	100%
Trình độ nhân viên		
Đại học và trên đại học	55	71%
Cao đẳng, trung học, lao động phổ thông	23	29%
Giới tính		
Lao động nam	38	49%
Lao động nữ	40	51%
Độ tuổi		
Lao động trên 30 tuổi	31	40%
Lao động dưới 30 tuổi	47	60%



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHÂN SỰ

Với quan niệm “con người là tài sản vô giá” của doanh nghiệp, Công ty luôn xây dựng và duy trì chính sách nhân sự phù hợp để thu hút và giữ chân các nhân tài. Ngoài chế độ lương, thưởng cạnh tranh, trong năm 2011, chúng tôi đặc biệt đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nghiệp vụ chứng khoán đồng thời kết hợp đào tạo bổ sung các kỹ năng cần thiết để nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ cho người lao động.

Bên cạnh việc đáp ứng những nhu cầu cần thiết của người lao động về lương, thưởng, bảo hiểm, đào tạo, Công ty còn tạo ra một môi trường làm việc năng động và thân thiện, các hoạt động teambuilding luôn được tổ chức đều đặn qua các năm để nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các nhân viên, tạo thành một khối thống nhất làm nên thương hiệu ORS.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ đông góp vốn thuộc sở hữu nhà nước:

Tên cổ đông	Tổng Công ty Bến thành
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước	1,800,000
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	24,000,000

Cổ đông góp vốn là tổ chức nắm giữ trên 5% vốn điều lệ công ty:

STT	TÊN GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	TỶ LỆ
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông	45 Lê Duẩn, Q1	11.00%
2	Tổng công ty Bến Thành (SUNIMEX)	71-79 Đồng Khởi, Q1, TP.HCM	7.50%
3	Công ty CP Dịch vụ Tổng Hợp Sài Gòn	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TP.HCM	10.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011
(Lưu hành nội bộ)